

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KINH TẾ QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

Tên học phần (tiếng Việt) : Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn
 Tên học phần (tiếng Anh) : Hotel English
 Mã học phần : HM3017
 Thuộc khối kiến thức Đại cương ☐; Cơ sở ngành ☐;
 Ngành ☐; Chuyên ngành ☒; Tốt nghiệp ☐
 Khoa, Bộ môn phụ trách : Du lịch
 Số tín chỉ (LT, TH, Tự học) : 4(4,0,8)
Số giờ lý thuyết : 60
Số giờ thực hành : 0
Số giờ tự học : 120
 Học phần tiên quyết : Không
 Học phần học trước : Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế nhằm trang bị cho người học kiến thức và thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong ngành khách sạn. Phần kỹ năng sẽ giúp sinh viên nắm bắt và sử dụng những thuật ngữ ứng dụng vào công việc tại các bộ phận trong khách sạn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (O _x)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu các thuật ngữ và khái niệm thông dụng nhất, vận dụng từ vựng, mẫu câu trong ngành khách sạn, sử dụng và phát triển kiến thức về văn phạm, cấu trúc câu.
Kỹ năng	
O2	Vận dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để nắm ý chính, giao tiếp, ghi chú các nội dung và thông tin quan trọng theo chủ đề khách sạn.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O3	Phát huy tinh thần tự học và tự nghiên cứu. Có ý thức rõ ràng về mục đích ứng dụng của môn học này để phát triển cho bản thân và cho cộng đồng nói chung.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

O _x	CLO _x	PLO _x
Kiến thức		
O1	CLO1: Nhớ các thuật ngữ và khái niệm tiếng Anh thông dụng nhất trong ngành khách sạn.	PLO3
O1	CLO2: Biết vận dụng từ vựng, mẫu câu trong ngành khách sạn, sử dụng và phát triển kiến thức về văn phạm, cấu trúc câu.	PLO3
Kỹ năng		
O2	CLO3: Biết vận dụng kỹ năng nghe như nắm được ý chính, nghe từ file MP3 của các chủ đề trong ngành khách sạn, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách. CLO4: Biết vận dụng tiếng Anh vào kiến thức chuyên ngành khách sạn vào công việc chuyên môn thông qua kỹ năng nói theo các chủ đề trong ngành khách sạn, và vận dụng tại nơi	PLO6 PLO8 PLO9

	làm việc và giao tiếp với khách. CLO5: Biết vận dụng tiếng Anh vào kiến thức chuyên ngành khách sạn vào công việc chuyên môn thông qua kỹ năng đọc các chủ đề khách sạn như đọc nhanh lấy ý chính, những cụm từ chuyên ngành ẩm thực. CLO6: Biết vận dụng tiếng Anh vào kiến thức chuyên ngành khách sạn vào công việc chuyên môn thông qua kỹ năng viết như vận dụng từ vựng mới làm thành câu, đoạn văn làm bài tập theo chủ đề khách sạn, trả lời thư của khách, viết CV, Cover letters.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O3	CLO7: Có ý thức tự học và tự nghiên cứu, có thái độ tự tin và linh hoạt trong giao tiếp, có trách nhiệm trong làm việc nhóm tại lớp và tại nơi làm việc.	PLO11

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content, Lesson plan)

Buổi học (4 tiết)	Nội dung	CLO	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá (Ax)
1	Chapter 0- Giới thiệu về môn học - Giới thiệu về giảng viên giảng dạy. - Giới thiệu về thời lượng môn học. - Giới thiệu về giáo trình giảng dạy. - Giới thiệu về phương pháp đánh giá môn học. - Giới thiệu về nội quy lớp học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp. -Giảng Viên (GV): Trình bày nội dung, mục đích bài học, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, -Sinh Viên (SV): Nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp.	A.1.1 A.1.2

	- Giới thiệu về phương pháp học tập. Unit 1: Phone inquiries - Accommodations & facilities - Locations - Phone reservations			
2	Unit 2: Drivers, Doormen & Bellhops. - Airport pickup - Receiving guests - Carrying luggage - Hailing taxi	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A.1.2
3	Unit 3: Reception - Hotel check-in - Safe-deposit boxes - Handling messages	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A.1.2
4	Unit 4: Amenities - Electric appliances - Bathroom	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play).	A.1.1 A.1.2 A.1.3

	- Other amenities - Mini test 1	CLO5 CLO6	- GV: Ôn lại bài cũ và cho làm mini test 1 viết 15 -20 phút, Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: thực hiện bài mini test 1 viết 15-20 phút. SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp	
5	Unit 5 : Requests for Services - Housekeeping & Laundry - Bellhop service - Switchboard - The Front Desk	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV:Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A.1.2
6	Unit 6: Directions - Direction inside and outside the hotel - Places to visit	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV:Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo	A.1.1 A.1.2

			cặp, làm bài tập tại lớp.	
7	<u>Review sections</u> Unit 7 : Tour Planning - Tour arrangements - Restaurant recommendations - Bike rentals	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: ôn bài , giảng, đặt câu hỏi cho SV, ra bài tập nghe, nói, đọc viết. -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A.1.2
8	Thực hành nói các chủ đề đã học + Midterm test	CLO3 CLO4	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài thi nói, ra chủ đề thi nói. - GV: gọi tên SV lên bốc thăm. - SV: nghe và ghi chú, lên bốc thăm chủ đề, và trả lời câu hỏi, SV có thắc mắc hỏi cho GV, SV thi nói theo cặp - SV: thực hiện bài thi giữa kỳ	A.1.1 A1.2 A.1.5
9	Unit 8: Handling Complaints - Amenity complaints - Complaint	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV:Trình bày nội dung bài mới, giảng,	A.1.1 A1.2

	solutions		đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	
10	<u>Review sections</u> Thực hành nói các chủ đề đã học Unit 9: Restaurant/Bar - Reservations - Greeting guests - Bar & food orders - Serving customers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: ôn bài, giảng, đặt câu hỏi cho SV, ra bài tập nghe, nói, đọc viết. GV: Trình bày bài mới. -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A1.2
11	Unit 10: Business center/ Event Planning - Business center hours & services - Meetings and banquets	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A1.2
12	Unit 11: Small Talk - Popular night markets - Local festivals	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Ôn lại bài cũ và	

	- Tours of Kenting + mini test 2		cho làm mini test 2 viết 15 -20 phút, Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập -SV: thực hiện bài mini test 2 viết 15-20 phút. SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A1.2 A.1.4
13	Unit 12: Paying the Bill - Hotel checkout - Asking about and paying the bill	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cặp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A1.2
14	Unit 13: Emergencies - Emergency situations and announcements - Sick or injured guests	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập SV: Nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo	A.1.1 A1.2

			cấp, làm bài tập tại lớp.	
15	<u>Review sections</u> Unit 14: Job Interviewing - Interview questions - Making a good impression Résumés & cover letters.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Phương pháp: Thuyết giảng, Hỏi đáp, và phương pháp đóng vai (Role Play). - GV: Ôn lại bài cũ, Trình bày nội dung bài mới, giảng, đặt câu hỏi cho SV, mở file nghe, ra bài tập SV: nghe và ghi chú, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi cho GV, nói theo cấp, làm bài tập tại lớp.	A.1.1 A1.2

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Unit 1-Phone Inquiries: SV đọc và làm bài tập tài liệu từ trang 1 -7

Unit 2-Drivers, Doormen, and Bellhops: SV đọc tài liệu từ trang 8-17, SV làm bài tập trang 15-17.

Unit 3-Reception: SV đọc tài liệu từ trang 18-27, SV làm bài tập 25-27.

Unit 4-Amenities: SV đọc tài liệu từ trang 28-37, SV làm bài tập 34-37.

Unit 5-Requests for services: SV đọc tài liệu từ trang 38-47, SV làm bài tập trang 44-47.

Unit 6-Directions: SV đọc tài liệu từ trang 48-57, SV làm bài tập trang 54-57.

Unit 7-Tour planning: SV đọc tài liệu từ trang 48-57, SV làm bài tập trang 54-57.

Unit 8-Handling Complaints: SV đọc tài liệu từ trang 58-67, SV làm bài tập trang 64-67.

Unit 9-Restaurant/Bar: SV đọc tài liệu từ trang 68-77, SV làm bài tập trang 74-77.

Unit 10-Business Center/Event planning: SV đọc tài liệu từ trang 78-87, SV làm bài tập trang 84-87.

Unit 11-Small Talk: SV đọc tài liệu từ trang 88-97, SV làm bài tập trang 94-97.

Unit 12- Paying the Bill: SV đọc tài liệu từ trang 98-107, SV làm bài tập trang 104-107.

Unit 13-Emergencies: SV đọc tài liệu từ trang 108-117, SV làm bài tập trang 114-117.

Unit 14-Job Interviewing: SV đọc tài liệu từ trang 115-127, SV làm bài tập trang

6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (Course assessment)

Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá	CLO	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Tham gia hoạt động học tập	CLO7	5%
	A1.2. Làm bài tập nghe, và nói theo cặp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	5%
	A1.3. Bài kiểm tra trắc nghiệm mini test 1 Số câu: 50 câu Thời gian: 50 phút	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	5%
	A1.4. Bài kiểm tra trắc nghiệm mini test 2 Số câu: 50 câu Thời gian: 50 phút	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	5%
	A1.5. Bài kiểm tra thi nghe và nói	CLO3 CLO4	20%
A2. Đánh giá tổng kết	A.2.1. Bài kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ. Số câu: 70 câu Thời gian: 70 phút	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	60%
Tổng			100%

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:**Rubric 1: Đánh giá việc tham gia hoạt động học tập của sinh viên (A1.1.)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	hình thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%
------------------	--------------------------------------	---	--	--	---	------------

Rubric 2: Đánh giá làm bài tập và nói theo cặp (A1.2.)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không Có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không Có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ thi nghe và nói (Oral exam) theo Rubric 3.

Rubric 3: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	50%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan tới câu hỏi	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm của câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin và hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích cho câu hỏi chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu. tự tin trong câu trả lời, lập luận giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	50%

- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm 2 bài mini test (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn (A.1.3-A.1.4).
- Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn (A.2.1).

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (Course requirements and expectations)

- Dự lớp: theo qui định chung của trường.

- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học.

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

8.1. Giáo trình dạy học

1) LIVEABC, (2010): *Hotel English- A Hands-On Course for Hotel Professionals*, Nhà xuất Bản Tổng Hợp TPHCM- Nhan Tri Viet Co., Ltd. Vietnam.

8.2. Tài liệu tham khảo

1) LIVEABC, (2010): *Tourism English- A Hands-On Course for Tourism Professionals*, Nhà xuất Bản Tổng Hợp TPHCM- Nhan Tri Viet Co., Ltd. Vietnam.

2) Robert Majure and Jess Martin, (2016): *English for Hotels & Restaurants*, Nhà xuất Bản Tổng Hợp TPHCM.

8.3. Websites tham khảo

1) Achemix, (2019). 5 Aperitif cocktails- Alchemix . Link:
<https://www.youtube.com/watch?v=RTwAT5Clcllk>

2) Achemix, (2019). 5 Tequila cocktails- Alchemix . Link:
<https://www.youtube.com/watch?v=BEzOlFj4dY8>

3) LinguaTV, (2010), checking In, link:
<https://www.youtube.com/watch?v=KY0K5f06adg> or
https://www.linguatv.com/p_Product/1

4) Tên tác giả (năm). Tên bài báo. Tên tạp chí, số quyền (số phát hành), trang-trang. Ngày xem, link

9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ BÀI TẬP HOẶC THỰC HÀNH

1) Phòng học lý thuyết

2) Phương tiện phục vụ giảng dạy

2. a. Máy tính, máy chiếu, micro, loa, bảng, viết.

2. b. Tài liệu biên soạn trên Microsoft Powerpoint.

3) Phần mềm phục vụ giảng dạy

3. a. Phần mềm Elearning.hiu.vn- MsTeam

3. b. Zoom.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 6 năm 2022

